| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: **190**/2021/DSST
Ngày: 03/02/2021
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Huệ Tú

Ông Nguyễn Ngọc Hòa

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Phạm PHG Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 và ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2015/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2015, về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng ";

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6345/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 195/2021/QĐST-DS ngày 07/01/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ngân hàng tHG mại Cổ phần SG**

Địa chỉ: 266 – 268 Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: ông Hà Quang C (Có mặt)

Địa chỉ: 970 đường B, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* 1. **Ông Hoàng Trọng T (Vắng mặt)**

Địa chỉ: 180 đường H, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Văn H (vắng mặt)

Địa chỉ: 412 MP, Phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

**2. Bà Trần Thị Thu HG (Vắng mặt)**

Địa chỉ: 8117 Emerson PL Rosemead CA 91770

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn kiện ngày 24/9/2013 của Ngân hàng tHG mại cổ phần SG và trình bày tại Tòa**:

Ngân hàng tHG mại cổ phần SG (gọi tắt là Sacombank) có cho ông Hoàng Trọng T và vợ là bà Trần Thị Thu HG vay số tiền tổng số tiền nợ 7.800.000.000 đồng, theo các giấy nợ:

Giấy nợ số 08 vay ngày 06/3/2012, ngày đáo hạn 06/9/2012, số tiền vay đã nhận 300.000.000 đồng

Giấy nợ số 09 vay ngày 24/3/2012, ngày đáo hạn 24/9/2012, số tiền vay đã nhận 730.000.000 đồng

Giấy nợ số 10 vay ngày 05/4/2012, ngày đáo hạn 05/ 10/2012, số tiền vay đã nhận 768.000.000 đồng

Giấy nợ số 11 vay ngày 10/4/2012, ngày đáo hạn 10/ 10/2012, số tiền vay đã nhận 740.000.000 đồng

Giấy nợ số 12 vay ngày 19/4/2012, ngày đáo hạn 19/10/2012, số tiền vay đã nhận 900.000.000 đồng

Giấy nợ số 13 vay ngày 20/4/2012, ngày đáo hạn 20/10 /2012, số tiền vay đã nhận 400.000.000 đồng

Giấy nợ số 14 vay ngày 08/5/2012, ngày đáo hạn 08/11/2012, số tiền vay đã nhận 742.000.000 đồng

Giấy nợ số 15 vay ngày 17/5/2012, ngày đáo hạn 17/11/2012, số tiền vay đã nhận 320.000.000 đồng

Giấy nợ số 16 vay ngày 22/5/2012, ngày đáo hạn 22/11/2012, số tiền vay đã nhận 300.000.000 đồng

Giấy nợ số 17 vay ngày 29/5/2012, ngày đáo hạn 29/11/2012, số tiền vay đã nhận 789.000.000 đồng

Giấy nợ số 18 vay ngày 27/6/2012, ngày đáo hạn 27/12/2012, số tiền vay đã nhận 420.000.000 đồng

Giấy nợ số 19 vay ngày 29/6/2012, ngày đáo hạn 29/12/2012, số tiền vay đã nhận 131.000.000 đồng

Giấy nợ số 20 vay ngày 14/8/2012, ngày đáo hạn 14/02/2013, số tiền vay đã nhận 195.000.000 đồng

Giấy nợ số 21 vay ngày 15/8/2012, ngày đáo hạn 15/02/2013, số tiền vay đã nhận 285.000.000 đồng

Giấy nợ số 22 vay ngày 21/8/2012, ngày đáo hạn 21/02/2013, số tiền vay đã nhận 280.000.000 đồng

Giấy nợ số 23 vay ngày 23/8/2012, ngày đáo hạn 23/02/2013, số tiền vay đã nhận 240.000.000 đồng

Giấy nợ số 24 vay ngày 24/8/2012, ngày đáo hạn 24/02/2013, số tiền vay đã nhận 260.000.000 đồng

Để đảm bảo khoản vay ông T bà HG có thế chấp giấy tờ nhà đất số 568 H

Bàng, phường 16, Quận 11 theo hợp đồng thế chấp số 275/2011/HĐTC-LĐH công chứng số 034268 ngày 02/11/2012 tại Phòng công chứng số 2, TPHCM, trị giá tài sản thế chấp 11.252.000.000 đồng.

Ngày 11/3/2013 ông T bà HG xin rút tài sản thế chấp và bán với giá 7.500.000.000 đồng và đã trả vốn cho Sacombank 7.800.000.000 đồng, khoản lãi chưa trả.

Tạm tính đến ngày 28/01/2021, ông T bà HG còn nợ lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 01/11/2011: nợ lãi trong hạn 602.305.368 đồng; nợ lãi quá hạn 1.725.445 đồng.

Nay Sacombank yêu cầu ông T, bà HG trả các khoản lãi trên. Trường hợp không trả thì Sacombank được quyền phát mãi bất kỳ các tài sản nào của ông T bà HG để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Buộc ông T bà HG thanh toán toàn bộ án phí, chi phí tố tụng.

**Bị đơn – ông Hoàng Trọng T trình bày:**

Ông T có vay của Sacombank 7.800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng LD 1130500384 ký ngày 01/11/2011 và thế chấp quyền sở hữu nhà sử dụng đất đối với căn nhà số 568 H Bàng, phường 16, quận 11; đã trả xong nợ gốc nên sacombank đòi nợ lãi vã và tiền phạt

Vợ ông T là bà Trần Thị Thu HG đã bỏ nhà đi từ tháng 4 năm 2013, không có tin tức.

**Tại phiên toà:**

- Đại diện theo ủy quyền của Sacombank giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: đòi tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 03/02/2021, lãi trong hạn 602.305.368 đồng, nợ lãi quá hạn 1.728.304.762 đồng. Theo đơn kiện Sacombank có yêu cầu khoản lãi phạt chính là khoản lãi tách từ lãi quá hạn ( 100% + 50% ) của lãi trong hạn, do đó yêu cầu tại phiên Tòa không khác gì so với đơn kiện. Chưa xác định được tài sản của ông T, bà HG nên không yêu cầu phát mãi tài sản.

- Bị đơn ông Hoàng Trọng T và bà Trần Thị Thu HG vắng mặt tại phiên tòa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: có cơ sở xác lập theo hợp đồng tín dụng giữa Sacombank và ông T, bà HG. Các khoản nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo bảng chiết tính là đúng. Đề nghị chấp nhận khởi kiện của Sacombank.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng:**

Theo kết quả xác minh của Công an phường 8 quận 11: Bà Trần Thị Thu HG thường trú 180 Hàn Hải Nguyên và đã xuất cảnh từ tháng 7 năm 2013.

Theo kết quả xác minh số 3536/QLXNC-P3 ngày 29/7/2015 của Cục quản lý xuất nhập cảnh: bà HG đã xuất cảnh lần cuối cùng vào ngày 13/9/2014, chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngày 31/3/2016 đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Trọng T (giấy ủy quyền số 030103 ngày 27/11/2013 tại Văn phòng công chứng Đầm Sen) trình bày: địa chỉ của bà Trần Thị Thu HG số 8117 Emerson PL Rosemead CA 91770 USA.

Tòa đã T hành ủy thác tư pháp triệu tập lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử (Công văn số 1185/TATP-THC ngày 28/4/2016, Công văn số 581/UTTPDS-TA ngày 23/8/2019 và Công văn số 581/TTTPDS-TA ngày 23/8/2019) nhưng bà HG vẫn vắng mặt, nên Tòa án T hành xét xử vắng mặt theo luật định.

**[2]. Về yêu cầu khởi kiện**:

Theo hợp đồng tín dụng số LD 11305 00384 ngày 01/11/2011 của Sacombank với ông Hoàng Trọng T và bà Trần Thị Thu HG thỏa thuận vay tiền 7.800.000.000 đồng, lãi suất vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo quyết định của Sacombank, kỳ trả lãi vào ngày 01 hàng tháng, hạn hợp đồng đến ngày 01/11/2012. Kèm hợp đồng thế chấp tài sản là căn nhà số 568 H Bàng phường 16, quận 11 do hai vợ cH ông T bà HG ký.

Cụ thể các lần nhận tiền:

Giấy nợ số 08 vay ngày 06/3/2012, ngày đáo hạn 06/9/2012, số tiền vay đã nhận 300.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,6% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,55% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần.

Giấy nợ số 09 vay ngày 24/3/2012, ngày đáo hạn 24/9/2012, số tiền vay đã nhận 730.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,6% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,55% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần.

Giấy nợ số 10 vay ngày 05/4/2012, ngày đáo hạn 05/ 10/2012, số tiền vay đã nhận 768.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,6% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,55% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần.

Giấy nợ số 11 vay ngày 10/4/2012, ngày đáo hạn 10/ 10/2012, số tiền vay đã

nhận 740.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,6% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,55% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần.

Giấy nợ số 12 vay ngày 19/4/2012, ngày đáo hạn 19/10/2012, số tiền vay đã nhận 900.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,53% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,55% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần.

Giấy nợ số 13 vay ngày 20/4/2012, ngày đáo hạn 20/10 /2012, số tiền vay đã nhận 400.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,53% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,55% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần

Giấy nợ số 14 vay ngày 08/5/2012, ngày đáo hạn 08/11/2012, số tiền vay đã nhận 742.000.000 đồng; lãi suất 1,55% tháng.

Giấy nợ số 15 vay ngày 17/5/2012, ngày đáo hạn 17/11/2012, số tiền vay đã nhận 320.000.000 đồng; lãi suất 1,55% tháng.

Giấy nợ số 16 vay ngày 22/5/2012, ngày đáo hạn 22/11/2012, số tiền vay đã nhận 300.000.000 đồng; lãi suất 1,55% tháng.

Giấy nợ số 17 vay ngày 29/5/2012, ngày đáo hạn 29/11/2012, số tiền vay đã nhận 789.000.000 đồng; lãi suất 1,55% tháng.

Giấy nợ số 18 vay ngày 27/6/2012, ngày đáo hạn 27/12/2012, số tiền vay đã nhận 420.000.000 đồng; lãi suất 1,4%tháng

Giấy nợ số 19 vay ngày 29/6/2012, ngày đáo hạn 29/12/2012, số tiền vay đã nhận 131.000.000 đồng; lãi suất 1,4% tháng.

Giấy nợ số 20 vay ngày 14/8/2012, ngày đáo hạn 14/02/2013, số tiền vay đã nhận 195.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,34% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,46% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần.

Giấy nợ số 21 vay ngày 15/8/2012, ngày đáo hạn 15/02/2013, số tiền vay đã nhận 285.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,34% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,46% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần.

Giấy nợ số 22 vay ngày 21/8/2012, ngày đáo hạn 21/02/2013, số tiền vay đã nhận 280.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,34% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,46% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần

Giấy nợ số 23 vay ngày 23/8/2012, ngày đáo hạn 23/02/2013, số tiền vay đã nhận 240.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,34% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ

của Sacombank cộng (+) biên độ 0,46% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần

Giấy nợ số 24 vay ngày 24/8/2012, ngày đáo hạn 24/02/2013, số tiền vay đã nhận 260.000.000 đồng; lãi suất 3 tháng đầu 1,34% tháng, lãi suất 03 tháng tiếp theo bằng lãi suất lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng (+) biên độ 0,46% tháng và thay đổi định kỳ 03 tháng 01 lần.

Ngày 11/3/2013 ông T bà HG xin rút tài sản thế chấp và bán với giá 7.500.000.000 đồng và đã trả vốn cho ngân hàng 7.800.000.000 đồng, khoản lãi chưa trả.

Tính đến ngày 18/7/2013, ông T bà HG còn lợ lãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 01/11/2011: nợ lãi trong hạn 616.805.370 đồng; nợ lãi quá hạn 302.837.882 đồng; nợ lãi phạt 151.418.935 đồng.

Căn cứ Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

*14.Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.*

*16. Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.*

Do đó hợp đồng tín dụng bản chất là hợp đồng vay tài sản, theo Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005:

*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay (*Ngân hàng*) giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản* (Ngân hàng*) cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.*

Xét hợp đồng tín dụng số LD 11305 00384 ngày 01/11/2011 được xác lập trước ngày 01/01/2017;

Căn cứ khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

*Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 được xác định như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.*

*b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm*

*pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.*

Theo đơn kiện Sacombank có yêu cầu khoản lãi phạt chính là khoản lãi tách từ lãi quá hạn (100% + 50%) của lãi trong hạn, do đó yêu cầu tại phiên Tòa không khác gì so với đơn kiện. Chấp nhận yêu cầu tính nợ lãi trong hạn 602.305.368 đồng và nợ lãi quá hạn 1.728.304.762 đồng, tạm tính đến ngày 03/02/2021.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông T bà HG còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu của Sacombank phát mãi tài sản của ông T, bà HG, do Sacom bank chưa xác định được tài sản cụ thể của ông T bà HG nên không chấp nhận yêu cầu này.

**[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông T, bà HG phải chịu án phí do chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn. Ông T sinh năm 1961 thuộc trường hợp người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí.

Chí phí tố tụng ủy thác tư pháp 1.477.000 (một triệu bốn trăm bảy mươi bày nghìn) đồng buộc ông T bà HG trả lại cho Sacombank do đã tạm ứng trước.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 266, khoản 3 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hoàng Trọng T và bà Trần Thị Thu HG trả cho Ngân hàng tHG mại cổ phần SG nợ lãi trong hạn 602.305.368 (sáu trăm lẻ hai triệu ba trăm lẻ năm nghìn ba trăm tám mươi sáu) đồng và nợ lãi quá hạn 1.728.304.762 (một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba

trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm sáu mươi hai) đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông T bà HG còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Trọng T, bà Trần Thị Thu HG phải nộp án phí 44.330.500 (bốn mươi bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm) đồng. Hoàn trả tạm ứng án phí 22.066.000 đồng cho Ngân hàng tHG mại cổ phần SG theo phiếu thu số AC/2011/08328 ngày 14/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chí phí tố tụng ủy thác tư pháp 1.477.000 (một triệu bốn trăm bảy mươi bày nghìn) đồng buộc ông T bà HG trả lại cho Sacombank do đã tạm ứng trước.

Án xử sơ thẩm công khai, Ngân hàng tHG mại cổ phần SG có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Trọng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án. Bà Trần Thị Thu HG có quyền kháng cáo trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Hiếu**